

Bản án số: 180/2021/DS-PT

Ngày: 30/12/2021

*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu
cầu hủy một phần giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Các Thẩm phán:

Ông Mai Anh Tài;

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 121/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10368/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cao Xuân Đ, sinh năm 1934; địa chỉ: Xóm 3, thôn Định T, xã Liên B, huyện Vụ B1, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Xuân C, sinh năm 1953 (con ông Cao Xuân Đ); địa chỉ: Tổ dân phố nhà máy, thị trấn nông T3 Trần P, huyện Văn C1, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Cao Trung K (tên gọi khác là Cao Văn T1), sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Kinh K, xã Nhân N, huyện Lý N1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Lý N1, tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã Nhân N, huyện Lý N1, tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Chị Lưu Thị B1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Kinh K, xã Nhân N, huyện Lý N1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Cao Xuân Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Đ trình bày: Cụ Cao Hữu Đ (chết năm 1947) và cụ Trần Thị T2 (chết năm 1990) là bố mẹ đẻ của ông Cao Xuân Đ, ông Cao Xuân T3. Khi còn sống hai cụ có thửa đất số 121, tờ bản đồ số 5 diện tích 445m² tại Thôn Kinh K, xã Nhân N, huyện Lý N1, tỉnh Hà Nam (gồm 315m² đất ở, 130m² đất vườn) theo trích lục bản đồ địa chính lập năm 1991. Trên đất có ngôi nhà tranh 05 gian; 01 gian bếp sau nhà và 01 bếp. Sau này ông Đ cùng cụ T2 xây dựng lại trên nền nhà cũ nhưng xây bằng gạch đỏ, lợp mái ngói.

Quá trình sử dụng đất, cụ Trần Thị T2 cho ông Cao Xuân T3 02 gian nhà đất, 01 mảnh vườn đằng sau với tổng diện tích nhà, đất là 206m²; còn lại 03 gian nhà, 01 gian bếp và toàn bộ diện tích đất ở, đất vườn là của ông Đ. Việc cho đất chỉ nói bằng miệng, không lập thành văn bản và cũng chưa đo vẽ, bàn giao nhà đất cho nhau. Thời điểm cụ T2 cho nhà, đất thì toàn bộ thửa đất vẫn đứng tên ông Đ. Do không có nhu cầu sử dụng, nên khoảng năm 1994, ông T3 chuyển nhượng lại phần diện tích nhà đất đó cho con trai út của ông Đ là Cao Trung K (tên thường gọi là Cao Văn T1), anh T3 trả cho ông T3 số tiền 1.000.000đồng.

Do điều kiện công việc phải đi xa, năm 1993 vợ chồng ông Đ giao nhà, đất cho anh K (T3) trông coi.

Năm 1997, anh T3 mượn Giấy chứng nhận nhà đất của vợ chồng ông nói là để Ban địa chính xã Nhân N kiểm tra, đối chiếu diện tích đất của từng gia đình, sau đó anh T3 không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Đ mà giấu vợ chồng ông tự ý chuyển tên quyền sử dụng toàn bộ thửa đất trên sang tên Cao Văn T1, việc chuyển quyền sử dụng đất này không được sự đồng ý của vợ chồng ông.

Năm 2000, vợ chồng ông Đ cùng các con (trừ anh K) sửa lại bếp, ba gian nhà chính đổ mái bằng để ở và làm nơi thờ cúng gia tiên.

Năm 2009, vợ chồng ông mới phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ thửa đất trên mang tên hộ anh Cao Văn T1. Ông đã nhiều lần làm đơn gửi UBND xã Nhân N, UBND xã nhiều lần hoà giải, lập biên bản hoà giải thành, anh K đồng ý trả lại đất cho vợ chồng ông. Đặc biệt năm 2018, anh K có mời ông Đ cùng các con ông Đ, chính quyền địa phương đến, anh K xin lỗi và hứa viết giấy đề nghị xã tách thửa sẽ trả lại đất cho ông Đ, gia đình ông Đ hỗ trợ 17 triệu đồng để anh K làm lại bếp mới, trả lại đất cho ông Đ nhưng sau đó anh K không thực hiện cam kết phá khoá cổng, khoá bếp, khoá nhà thờ, phá tường bao để mở lối đi sang nhà thờ, gây sự với bố con ông Đ khi mọi người trong gia đình về thắp hương. Việc anh K tự ý kê khai, đứng tên trên giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của ông là hoàn toàn trái pháp luật. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết:

- Buộc Anh Cao Trung K (tên gọi khác là Cao Văn T1) phải trả lại ông 169m² diện tích đất thổ cư đã chiếm giữ trái phép và nhà mái bằng 3 gian, nhà bếp mái tôn và công trình phụ xây trên đất. Ước tính giá trị là 150.000.000 đồng.

- Tuyên hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Lý N1 cấp cho hộ ông Cao Văn T1 ngày 10/01/1998 thửa số 38, tờ bản đồ số 13 (nay là thửa 72, tờ bản đồ số 3) đối với phần diện tích Anh Cao Trung K (tên gọi khác là Cao Văn T1) đã chiếm giữ trái phép của gia đình ông 169m² đất thổ cư.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm: Đối với việc gia đình anh K xây lấn sang diện tích đang tranh chấp, không yêu cầu vợ chồng anh K, chị Bảy phải thanh toán phần lấn chiếm, không yêu cầu phải tháo dỡ công trình xây lấn chiếm và khi chia đề nghị giữ nguyên hiện trạng. Đối với phần diện tích đất 206m² của anh K nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Cao Xuân T3, ông Đ xác nhận không có tranh chấp gì với anh K .

Về phần thuế: Vợ chồng anh K nộp thuế đối với diện tích đất đang tranh chấp từ năm 1991 đến nay. Đề nghị Tòa án tính công sức và ông Đ sẽ thanh toán cho vợ chồng anh K .

Bị đơn là Anh Cao Trung Km(Cao Văn T1) có quan điểm: Anh không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì khi anh còn nhỏ, ông Đ đã bỏ đi lấy vợ hai, không lo toan gì cho con cái, anh ở với bà nội là cụ Trần Thị T2 và mẹ đẻ hơn 20 năm. Khi còn sống cụ T2 có nói bằng miệng cho anh diện tích đất đang tranh chấp 169m². Sau khi bà nội chết, tại ngày giỗ đầu, mẹ anh là bà Trần Thị P (vợ cả của ông Đ) đã bàn giao thửa đất này cho anh trước toàn thể họ hàng có ông Đ, ông C1, ông Cao Xuân Đ3, ông Cao Xuân N2, ông Cao Xuân T5, ông Cao Xuân T6 chứng kiến; ngoài ra còn một số người khác chứng kiến nhưng đến nay đã chết. Hiện nay vợ chồng anh đã được cấp sổ đỏ đối với thửa đất trên nên ông Đ không có quyền gì về tranh chấp, vợ chồng anh đã đóng thuế gần 30 năm từ năm 1991 đến nay. Do vậy, đây là thửa đất của vợ chồng anh. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Xuân Đ.

Về tài sản trên thửa đất 169m², vợ chồng anh xây dựng gồm có: Xây tường giáp ngõ nhà ông H3 dài 15m², tường giáp ngõ xóm dài 4m tính từ trụ cổng. Hai bức tường này đều xây bằng gạch đỏ cách đây 30 năm; xây bể nước ăn; đổ bê tông sân cách đây 30 năm và hiện nay ông C1 đã lát gạch đỏ Hạ Long lên trên sân bê tông. Về tài sản, anh không đề nghị ai phải thanh toán cho anh vì đất của vợ chồng anh nên vợ chồng anh sử dụng, không ai có quyền đòi.

Đối với ngôi nhà ba gian trên thửa đất đang tranh chấp do mẹ anh là bà Phiến xây năm 2001. Đến năm 2018, ông C1 không được sự đồng ý của anh nhưng cố tình róc tường ra trát, sửa lại nhà, lát sân gạch đỏ lợp lại mái. Anh yêu cầu dỡ toàn nhà, sân, trả lại mặt bằng cho vợ chồng anh. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Vợ chồng anh sinh được 3 người con nhưng không có đóng góp gì nên đề nghị Tòa án không đưa các cháu vào tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm cụ thể như sau:

- UBND huyện Lý N1 xác định: Quá trình xảy ra tranh chấp tại địa phương, anh K khẳng định “Năm 1998, tôi tự kê khai và đại diện gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có hai ngôi nhà trong đó có ngôi nhà bố tôi sinh sống và thờ phụng các cụ”. Qua kiểm tra bản đồ 299 thì tại các bản đồ đo đạc năm 1978 chính lý năm 1987 thửa đất số 121, tờ bản đồ số 5 diện tích 445m² tại Thôn Kinh K, xã Nhân N, huyện Lý N1, tỉnh Hà Nam (gồm 315m² đất ở và 130m² đất vườn) mang tên ông Cao Xuân Đ. Kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận năm 1998 thì thửa đất thuộc tờ số 3 thửa 72 diện tích 375m² (đất ở 315m², vườn 60m²) mang tên ông Cao Văn T1. UBND huyện thấy rằng kết quả hòa giải của UBND xã Nhân N, kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính cho thấy diện tích trong Giấy chứng nhận là của hộ gia đình trong đó của mẹ anh K, có cả phần ông Đ và các con. Ông Đ chỉ đề nghị tách 169/315 đất thổ cư. Bản thân anh K đã cam kết nhưng không thực hiện các nội dung đã thống nhất. Như vậy đơn khởi kiện của ông Đ có tình có lý, có căn cứ. Đề nghị Tòa án xét xử theo nội dung khởi kiện của ông Đ theo quy định.

- UBND xã Nhân N: Nhất trí với quan điểm của UBND huyện Lý N1.

- Ông N nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

- Chị B nhất trí nội dung khởi kiện của anh K.

- Bà Đ (vợ ông T3) xác định: Khi còn sống bố mẹ ông T3 đã phân chia đất cho ông Đ một phần và vợ chồng bà một phần (phần đất này vợ chồng bà đã bán cho anh K). Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định: Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 34, Điều 37, Điều 38; Điều 147; Điều 271; Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32, Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 164, điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Xuân Đ: Buộc Anh Cao T6 K(tên gọi khác là Cao Văn T1) trả lại ông Cao Xuân Đ 142m² diện tích đất ở cùng nhà mái bằng 3 gian, mái tôn, bể nước và toàn bộ tài sản, công trình phụ xây trên đất trị giá 168.376.000 đồng tại Thôn Kinh K, xã Nhân N, huyện Lý N1, tỉnh Hà Nam (Có sơ đồ chia đất kèm theo).

2. Hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Lý N1 cấp cho hộ ông Cao Trung K (tức Cao Văn T1) ngày 10/01/1998 tờ bản đồ số 3 thuộc thửa số 72 đối với phần diện tích 142m² đất ở.

3. Về thuế: Ông Cao Xuân Đ có trách nhiệm thanh toán cho anh Cao Văn T1 (K) số tiền thuế đối với diện tích đất 169m² từ năm 1991 đến 2011 với tổng số tiền 153.700 đồng (Một trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

4. Về công sức trông coi, quản lý di sản: Ông Cao Xuân Đ có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng anh Cao Văn T1 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

5. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản: Anh Cao Trung K (tức Cao Văn T1) phải trả cho ông Cao Xuân Đ 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/02/2020, bị đơn là Anh Cao Trung K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị B1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn là Anh Cao Trung K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị B1 giữ nguyên kháng cáo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bị đơn không phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm, sửa bản án sơ thẩm công nhận diện tích đất 142m² là của Anh Cao Trung K và chị Lưu Thị B1.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Anh Cao Trung K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị B1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là Anh Cao Trung K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị B1 được gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, hình thức của đơn kháng cáo tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là hợp lệ. Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa hôm nay đã được hỏi, đối đáp, tranh luận và phát biểu quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, căn cứ các quyết định giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm, yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Anh Cao Trung K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị B1 về phần tranh chấp diện tích đất của Anh Cao Trung K và chị Lưu Thị B1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần này. Chấp nhận kháng cáo về án phí dân sự sơ thẩm; sửa phần án phí dân sự sơ thẩm của Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là ông Cao Trung K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị B1 được gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, hình thức của đơn kháng cáo tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Cao Trung K người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị B1 yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết bị đơn không phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm, sửa bản án sơ thẩm công nhận diện tích 142m² đất là của ông Cao Trung K và bà Lưu Thị B1; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy các nội dung vụ án mà cấp sơ thẩm đã giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, phần liên quan đến kháng cáo như về thời hiệu khởi kiện, về thẩm quyền giải quyết, về nội dung khởi kiện về xem xét đến nguồn gốc đất tranh chấp, cũng như thỏa thuận của các bên như trong biên bản ngày 15/5/2018 và ý kiến của UBND xã Nhân N, UBND huyện Lý N1, tỉnh Hà Nam về tính hợp pháp về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Với những nhận định và áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm là đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm về diện tích đất tranh chấp. Riêng kháng cáo về toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Anh Cao Trung K (Cao Văn T1) phải nộp 8.418.800 đồng, về phần này như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã phân tích, đánh giá là có căn cứ, nên kháng cáo về toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về phần tranh chấp diện tích đất của Anh Cao Trung K và chị Lưu Thị B1; có căn cứ chấp nhận kháng cáo về toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; cần sửa bản bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[4] Án phí: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Anh Cao Trung K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lưu Thị B1 về nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Giữ nguyên phần quyết định này Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

2. Chấp nhận kháng cáo về án phí dân sự sơ thẩm; sửa về phần án phí dân sự sơ thẩm của Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam:

2.1. Anh Cao Trung K (tên gọi khác Cao Văn T1) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự; được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại Biên lai thu số 0004876 ngày 20/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

2.2. Anh Cao Trung K và chị Lưu Thị B1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS; P.HC-TP TANDCC Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Hạnh